

Bản án số: 273/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 04 - 11 - 2019

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VỊ THANH, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Xuân Tình

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Tạ Hồng Thái
2. Ông Phạm Hoàng Phúc

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Ngọc Dung – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang.

Ngày 04 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vị Thanh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 250/2019/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2019 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 205/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Tấn T.

Địa chỉ: khu vực A, phường B, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang. Có mặt.

- Bị đơn: Bà Cao Thị Hồng N.

Địa chỉ: khu vực A, phường B, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Tấn T trình bày: Ông và bà Cao Thị Hồng N chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2004, không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng từ cuối năm 2017 đến nay, vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng ý kiến, thường xuyên cãi vã nên cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc và không thể hàn gắn được. Ông bà đã sống ly thân từ năm 2017 đến nay. Vì vậy, ông T khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bà Cao Thị Hồng N.

Về con chung: có 01 con chung tên là Nguyễn Thị Yến N1 (giới tính: Nữ), sinh ngày 08/10/2005, ông đồng ý giao con chung cho bà N được quyền trực tiếp nuôi dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Cao Thị Hồng N trình bày: Bà và ông T chung sống với nhau từ năm 2004, không có đăng ký kết hôn. Nay, bà đồng ý ly hôn với ông T.

Về con chung: có 01 con chung tên là Nguyễn Thị Yến N1 (giới tính: Nữ), sinh ngày 08/10/2005, bà yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi cháu Nhi. Không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, ông T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; Bà N có đơn xin xét xử vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về quan hệ pháp luật:* Ông Nguyễn Tấn T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bà Cao Thị Hồng N và được quyền nuôi con chung nên Tòa án xác định đây là tranh chấp ly hôn, nuôi con theo quy định tại Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình, Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về thẩm quyền giải quyết:* Bị đơn bà Cao Thị Hồng N cư trú tại khu vực A, phường B, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vị Thanh theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] *Về thủ tục tố tụng:* Bà Cao Thị Hồng N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà N.

[4] *Về quan hệ hôn nhân:* Ông Nguyễn Tấn T và bà Cao Thị Hồng N đã tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2004 nhưng từ đó đến nay không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc nhưng từ cuối năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Vì vậy, ông T xin ly hôn với bà N, bà N cũng đồng ý. Xét thấy, ông T và bà N có thời gian chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện, tuy có đủ điều kiện nhưng ông T và bà N không đi đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Do đó, việc chung sống của ông T và bà N không được công nhận hợp pháp từ thời điểm chung sống cho đến nay. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông T và bà N là có căn cứ và phù hợp với khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] *Về con chung*: Quá trình chung sống, ông bà có 01 con chung là Nguyễn Thị Yến N1 (giới tính: Nữ), sinh ngày 08/10/2005. Trong thời gian ông T và bà N ly thân, cháu Nhi sống chung với bà N, được bà N và gia đình chăm sóc chu đáo, được đi học đàng hoàng và phát triển tốt. Ông T và bà N thống nhất giao con chung cho bà N nuôi dưỡng. Điều này cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu N1. Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy giao cháu Nhi cho bà Cao Thị Hồng N được quyền trực tiếp nuôi dưỡng là đảm bảo tốt nhất quyền lợi cho cháu N1 và phù hợp với Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[6] *Về cấp dưỡng*: Do ông T chưa có yêu cầu trong vụ án này nên Hội đồng xét xử chưa xem xét giải quyết.

[7] *Về tài sản chung và nợ chung*: các đương sự trình bày không có và cũng không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong cùng vụ án.

[8] *Về án phí*: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Ông T phải chịu án phí là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 Bộ Luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Điều 9, Điều 14, Điều 53, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Nguyễn Tấn T với bà Cao Thị Hồng N.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Yến N1 (giới tính: Nữ), sinh ngày 08/10/2005 cho bà Cao Thị Hồng N được quyền trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Tấn T chưa phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung do bà Cao Thị Hồng N chưa yêu cầu. Ông Nguyễn Tấn T có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: do chưa có yêu cầu nên chưa xem xét giải quyết trong cùng vụ án.

4. Về án phí: Buộc nguyên đơn ông Nguyễn Tấn T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Chuyển 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí ông T đã nộp theo biên lai số **0002812** ngày 02 tháng 10 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Vị Thanh thành án phí. Ông T không phải nộp thêm.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Tạ Hồng Thái

Phạm Hoàng Phúc

Huỳnh Xuân Tình

Nơi nhận:

- VKSND TP Vị Thanh;
- Chi cục THADS TP Vị Thanh;
- Đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Huỳnh Xuân Tình